
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
BDC VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|----------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 – 4 |
| Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập | 5-6 |
| Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán | 7 – 41 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i> | <i>7– 10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2017</i> | <i>11</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2017</i> | <i>12 – 13</i> |
| <i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017</i> | <i>14 – 40</i> |
| <i>Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i> | <i>41</i> |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần MCO Việt Nam) tiền thân là Xí nghiệp Công trình 1 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy được thành lập theo Quyết định số 140/2000/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 01 năm 2000 của Bộ Giao thông Vận tải, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty Công trình 1 theo Quyết định số 2095/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2002 của Bộ Giao thông Vận tải và được cổ phần hóa theo Quyết định số 2268/QĐ - BGTVT ngày 06 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002974 ngày 30 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần thay đổi đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0101413483 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015 về việc đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam và thay đổi địa chỉ kinh doanh.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10 (cuối): 41.039.290.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2017: 41.039.290.000 VND

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|--|-----------------------|------------------|
| Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy | 4.706.740.000 | 11,47 |
| Các cổ đông khác trong và ngoài doanh nghiệp | 36.332.550.000 | 88,53 |
| Cộng | 41.039.290.000 | 100,00 |

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 6 ngõ 180 Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0 1 0 1 4 1 3 4 8 3

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Ông Phạm Khánh Dương | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Huy Hoàng | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Quốc Hương | Ủy viên |
| Ông Lê Quốc Khánh | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Đình Hùng | Ủy viên |
| Ông Đào Xuân Hoàng | Ủy viên |

Ban kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Bà Trần Diệu Linh | Trưởng ban |
| Ông Trần Hoàng Ứng | Thành viên |
| Bà Phạm Thị Thanh Trà | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Hương | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Khánh Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Huy Hoàng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hồng Nội | Phó Tổng Giám đốc |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hương

Số : 0607.01/2017/NVT2-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017Kính gửi : **Các cổ đông, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018 từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntv.vn**Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến của kiểm toán viên

273

GCNĐKHNKT số: 1690 - 2018 - 124 -1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------|--------------------|-----------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 77.002.940.886 | 102.772.033.297 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 2.185.882.399 | 3.201.589.276 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.185.882.399 | 3.201.589.276 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 68.852.551.357 | 79.590.996.313 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 43.246.711.957 | 55.746.812.048 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 29.942.914.271 | 26.316.154.271 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 2.941.445.931 | 2.971.401.169 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (7.278.520.802) | (5.443.371.175) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 5.964.507.130 | 19.979.447.708 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 5.964.507.130 | 19.979.447.708 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 60.699.881.963 | 54.303.270.142 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 41.000.000 | 41.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 41.000.000 | 41.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 662.710.886 | 1.403.126.907 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 662.710.886 | 1.403.126.907 |
| Nguyên giá | 222 | | 91.724.999.964 | 93.385.983.423 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (91.062.289.078) | (91.982.856.516) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 51.395.526.686 | 44.258.498.844 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | V.8 | 51.275.831.231 | 44.258.498.844 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.9 | 119.695.455 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.10 | 8.600.644.391 | 8.600.644.391 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 4.180.644.391 | 4.180.644.391 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 4.420.000.000 | 4.420.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 137.702.822.849 | 157.075.303.439 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 85.554.255.165 | 104.965.260.942 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 80.254.324.048 | 99.161.329.825 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 30.671.159.389 | 37.352.775.446 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 5.901.473.660 | 7.021.473.660 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 25.129.752.356 | 27.188.046.658 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 566.794.205 | 507.175.205 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 905.128.275 | 2.261.506.514 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | 17.020.449.277 | 24.770.785.456 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 59.566.886 | 59.566.886 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 5.299.931.117 | 5.803.931.117 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | V.16 | 1.699.931.117 | 2.203.931.117 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

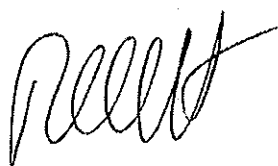
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 52.148.567.684 | 52.110.042.497 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 52.148.567.684 | 52.110.042.497 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 41.039.290.000 | 41.039.290.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 41.039.290.000 | 41.039.290.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 149.852.000 | 149.852.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 3.343.084.386 | 3.343.084.386 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 7.616.341.298 | 7.577.816.111 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 7.577.816.111 | 7.496.458.197 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 38.525.187 | 81.357.914 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 137.702.822.849 | 157.075.303.439 |

Kế toán trưởng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Ngô Đức Nam

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 35.175.992.633 | 72.734.129.949 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 35.175.992.633 | 72.734.129.949 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 31.313.499.640 | 67.734.356.150 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 3.862.492.993 | 4.999.773.799 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.404.016 | 171.231.246 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 270.000.000 | 583.342.335 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 270.000.000 | 583.342.335 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 3.911.078.870 | 5.129.067.627 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (317.181.861) | (541.404.917) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 380.909.091 | 2.112.690.909 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 12.456.597 | 1.175.670.880 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 368.452.494 | 937.020.029 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 51.270.633 | 395.615.112 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.8 | 12.745.446 | 314.257.198 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 38.525.187 | 81.357.914 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 9 | 20 |

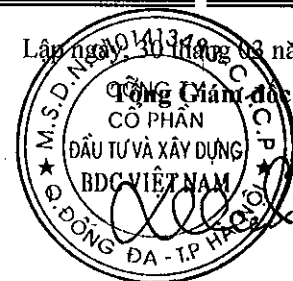
Kế toán trưởng



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngô Đức Nam

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|----------------------|-----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 51.270.633 | 395.615.112 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 740.416.021 | 1.058.782.287 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 1.835.149.627 | 2.588.420.286 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (382.313.107) | (2.011.895.815) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 270.000.000 | 583.342.335 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 2.514.523.174 | 2.614.264.205 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 9.515.204.420 | (13.096.342.990) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 6.997.608.191 | 38.331.320.780 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (10.207.315.594) | (10.430.392.195) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | - | - |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (774.000.000) | (583.342.335) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (962.099.450) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 7.083.920.741 | 16.835.507.465 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (769.695.455) | (284.931.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 419.000.000 | 2.210.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.404.016 | 2.804.906 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (349.291.439) | 1.927.873.906 |

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

13

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh thương mại, xây dựng lắp đặt

3. Ngành nghề kinh doanh :

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước (bao gồm: cầu, đường, sân bay, bến cảng, sân lắp mặt bằng);
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và đường điện đến 35KV;
- Nạo vét, đào đắp công trình;
- Đầu tư xây dựng các công trình: cơ sở hạ tầng cụm dân cư, đô thị, khu công nghiệp, giao thông vận tải;
- Thí nghiệm vật liệu, tư vấn đầu tư, tư vấn giám sát các công trình không do Công ty thi công;
- Khai thác, kinh doanh đá, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, hàng hóa, dịch vụ du lịch, khách sạn, vui chơi giải trí;
- Sửa chữa xe máy thiết bị thi công, gia công cơ khí;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hành khách, hàng hóa;
- Thiết kế xây dựng công trình biển;
- Thiết kế các công trình xây dựng thủy lợi;
- Thiết kế các công trình cảng, đường thủy;
- Thiết kế đường bộ;
- Thiết kế công trình giao thông (cầu, hầm);
- Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Đào tạo nghề công nhân kỹ thuật: công nhân vận hành máy thi công đường bộ, đường thủy, công nhân sắt hàn công trình, mộc công trình, tiếp viên phục vụ du lịch, nhà hàng (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khảo sát địa hình công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh nguyên liệu, hương liệu thuốc lá./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xí nghiệp Xây dựng số 2 | Số 15/82/186 Vạn Phúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội) | Số 20/8 Đình Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC năm 2017 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2016

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

+ Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 05 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |
| Tài sản cố định khác | 03 – 05 |

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối năm khi lập Báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản vay và nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

+ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty/Doanh nghiệp tự xác định.

+ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

+ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

+ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

13. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

15. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 2.131.296.782 | 2.357.589.362 |
| Tiền gửi ngân hàng | 54.585.617 | 843.999.914 |
| Cộng | 2.185.882.399 | 3.201.589.276 |

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ban QLDA đường Hồ Chí Minh | 8.008.285.000 | 13.312.482.410 |
| Ban QLDA đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương | 7.566.476.829 | 8.568.226.914 |
| Ban QLTƯ các dự án Thủy Lợi – Dự án quản lý rủi ro thiên tai | - | 3.827.084.432 |
| Ban ĐH dự án Vũng Áng - Quảng Trạch - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam | 1.583.736.861 | 2.845.745.117 |
| Tổng công ty thương mại Kỹ thuật & Đầu tư - Công ty Cổ phần | 3.670.299.254 | 3.670.299.254 |
| Công ty Cổ phần LICOGI 16 | 1.699.481.001 | 3.249.481.001 |
| Ban QLDA ĐTXD đường Láng Hoà Lạc | 5.780.737 | 1.045.161.508 |
| Ban QLDA 1 | 1.214.866.261 | 1.256.520.806 |
| Khu QLGT đô thị số 4 | 5.599.527.827 | 2.051.923.273 |
| Các đối tượng khác | 13.898.258.187 | 15.919.887.333 |
| Cộng | 43.246.711.957 | 55.746.812.048 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Hồng Hà | 16.085.470.000 | 16.085.470.000 |
| Công ty TNHH XD và Phát triển công nghệ Hải Hà | 8.396.965.000 | 5.725.965.000 |
| Các đối tượng khác | 5.460.479.271 | 4.504.719.271 |
| Cộng | 29.942.914.271 | 26.316.154.271 |

4. Phải thu khác ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Tạm ứng | 1.447.593.310 | - | 1.798.119.250 | - |
| <i>Tạm ứng của hội đồng quản trị, ban kiểm soát</i> | <i>153.609.000</i> | - | <i>153.609.000</i> | - |
| <i>Tạm ứng các đối tượng khác</i> | <i>1.293.984.310</i> | - | <i>1.644.510.250</i> | - |
| Ký cược, ký quỹ | 729.174.424 | - | 4.877.333 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 764.678.197 | (750.075.394) | 1.168.404.586 | (750.075.394) |
| Cộng | 2.941.445.931 | (750.075.394) | 2.971.401.169 | (750.075.394) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| Công nợ phải thu khách hàng | | 6.528.445.408 | | 6.528.445.408 |
| UBND Thị xã Sơn La | Quá hạn trên 3 năm | 614.384.422 | Quá hạn trên 3 năm | 614.384.422 |
| Công ty CPXD Vận Tải Ô Tô Số Chín | Quá hạn trên 3 năm | 33.831.417 | Quá hạn trên 3 năm | 33.831.417 |
| Công ty TNHH Thương Mại Đại Thiên Sơn | Quá hạn trên 3 năm | 289.252.500 | Quá hạn trên 3 năm | 289.252.500 |
| Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 703 | Quá hạn trên 3 năm | 82.924.033 | Quá hạn trên 3 năm | 82.924.033 |
| Doanh nghiệp tư nhân Vạn Đức | Quá hạn trên 3 năm | 15.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | 15.000.000 |
| BQL dự án Thủy điện Xoàng Con | Khó có khả năng thu hồi | 15.000.000 | Khó có khả năng thu hồi | 15.000.000 |
| Ban QLDA công trình giao thông Nghệ An | Khó có khả năng thu hồi | 626.918.132 | Khó có khả năng thu hồi | 626.918.132 |
| Công ty CP cảng Cát Lái | Khó có khả năng thu hồi | 69.626.650 | Khó có khả năng thu hồi | 69.626.650 |
| Công ty CP XD Đường bộ số 1 Hà Tĩnh | Khó có khả năng thu hồi | 314.359.000 | Khó có khả năng thu hồi | 314.359.000 |
| Công ty CP xây dựng công trình giao thông 61 | Khó có khả năng thu hồi | 796.850.000 | Khó có khả năng thu hồi | 796.850.000 |
| Tổng công ty TM Kỹ thuật & Đầu tư - Công ty Cổ phần | Quá hạn trên 3 năm | 3.670.299.254 | Quá hạn trên 2- 3 năm | 3.670.299.254 |
| Công nợ phải thu khác | | 750.075.394 | | 750.075.394 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Hoi Kỹ Nghệ Que Hàn | Quá hạn trên 3 năm | 5.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | 5.000.000 |
| Quý CT Móng bồn Xăng dầu Petec | Quá hạn trên 3 năm | 25.175.000 | Quá hạn trên 3 năm | 25.175.000 |
| Ông Cao Hồng | Quá hạn trên 3 năm | 70.136.200 | Quá hạn trên 3 năm | 70.136.200 |
| Bà Lê Thị Huyền | Quá hạn trên 3 năm | 5.325.000 | Quá hạn trên 3 năm | 5.325.000 |
| Ông Nguyễn Văn Thừa | Quá hạn trên 3 năm | 1.500.000 | Quá hạn trên 3 năm | 1.500.000 |
| Ông Lê Minh Đức | Quá hạn trên 3 năm | 22.921.300 | Quá hạn trên 3 năm | 22.921.300 |
| Ông Nguyễn Sỹ Phúc | Quá hạn trên 3 năm | 5.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | 5.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|---------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 22.650.000 | 22.650.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 22.650.000 | 22.650.000 |
| Ông Huỳnh Công Dụng (kế toán công trường) | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 200.000.000 | 200.000.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Lương | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 186.420.946 | 186.420.946 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 186.420.946 | 186.420.946 |
| Ông Lê Xuân Đường | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 868.000 | 868.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 868.000 | 868.000 |
| Ông Đỗ Văn Bình | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 21.952.000 | 21.952.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 21.952.000 | 21.952.000 |
| Bà Nguyễn Thị Oanh (tạm ứng tiền ăn) | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 20.060.000 | 20.060.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 20.060.000 | 20.060.000 |
| Ông Nguyễn Duy Khánh | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 2.451.880 | 2.451.880 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 2.451.880 | 2.451.880 |
| Ông Trần Văn Đông | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 750.000 | 750.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 750.000 | 750.000 |
| Ông Hoàng Minh Hòa | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 17.080.000 | 17.080.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 17.080.000 | 17.080.000 |
| Ông Trương Đức Điệp | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 3.729.700 | 3.729.700 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 3.729.700 | 3.729.700 |
| Ông Trần Tường Văn | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 4.200.000 | 4.200.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 4.200.000 | 4.200.000 |
| Ông Nguyễn Duy Dương | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 200.000 | 200.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 200.000 | 200.000 |
| Ông Phan Huy Công | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 1.000.000 | 1.000.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 1.000.000 | 1.000.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc Đường | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 102.375.368 | 102.375.368 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 102.375.368 | 102.375.368 |
| Ông Vũ Quang Tiến - Tổ nhân công bãi khu B | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 10.000.000 | 10.000.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Ông Vũ Quang Tiến | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 10.500.000 | 10.500.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 10.500.000 | 10.500.000 |
| Bà Hoàng Thị Duyên | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 10.780.000 | 10.780.000 | <i>Quá hạn trên 3 năm</i> | 10.780.000 | 10.780.000 |
| Cộng | | 7.278.520.802 | 7.278.520.802 | | 7.278.520.802 | 5.443.371.175 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu ngắn hạn | Nợ phải thu dài hạn | Cộng |
|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 5.443.371.175 | - | 5.443.371.175 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.835.149.627 | - | 1.835.149.627 |
| Số cuối năm | 7.278.520.802 | - | 7.278.520.802 |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 146.168.637 | - | 146.168.637 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 37.709.100 | - | 37.709.100 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.780.629.393 | - | 19.795.569.971 | - |
| Cộng | 5.964.507.130 | - | 19.979.447.708 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.243.460.275 | 73.216.587.535 | 18.171.120.787 | 427.975.000 | 326.839.826 | 93.385.983.423 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | - | - |
| <i>Thanh lý, nhượng bán</i> | - | (1.219.047.619) | (441.935.840) | - | - | (1.660.983.459) |
| Số cuối năm | 1.243.460.275 | 71.997.539.916 | 17.729.184.947 | 427.975.000 | 326.839.826 | 91.724.999.964 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.243.460.275 | 71.487.819.799 | 15.009.919.443 | 427.975.000 | 326.839.826 | 88.496.014.343 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 1.233.098.106 | 72.451.720.922 | 17.543.222.662 | 427.975.000 | 326.839.826 | 91.982.856.516 |
| Tăng trong năm | 10.362.169 | 445.126.584 | 284.927.268 | - | - | 740.416.021 |
| <i>Thanh lý, nhượng bán</i> | - | (1.219.047.619) | (441.935.840) | - | - | (1.660.983.459) |
| Số cuối năm | 1.243.460.275 | 71.677.799.887 | 17.386.214.090 | 427.975.000 | 326.839.826 | 91.062.289.078 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 10.362.169 | 764.866.613 | 627.898.125 | - | - | 1.403.126.907 |
| Số cuối năm | - | 319.740.029 | 342.970.857 | - | - | 662.710.886 |

Tài sản cố định của Công ty có nguyên giá theo sổ sách là 20.814.881.116 đồng đã khấu hao hết được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn- chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Là chi phí dở dang các công trình đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------------|------------|-----------------------------|--------------------|
| Sửa chữa lớn TSCĐ | | | |
| <i>Sửa chữa xà lan MCO 09</i> | - | 119.695.455 | 119.695.455 |
| Cộng | - | 119.695.455 | 119.695.455 |

10. Các khoản đầu tư tài chính

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------------------|----------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| B- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 4.180.644.391 | - | 4.180.644.391 | 4.180.644.391 | - | 4.180.644.391 |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng MCK(a) | 4.180.644.391 | - | 4.180.644.391 | 4.180.644.391 | - | 4.180.644.391 |
| C- Đầu tư vào đơn vị khác | 4.420.000.000 | - | 4.420.000.000 | 4.420.000.000 | - | 4.420.000.000 |
| Công ty Cổ phần doanh nghiệp trẻ Việt Nam (b) | 3.420.000.000 | - | 3.420.000.000 | 3.420.000.000 | - | 3.420.000.000 |
| Công ty CP Công nghệ và Truyền thông CK (c) | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 |
| Cộng | 8.600.644.391 | - | 8.600.644.391 | 8.600.644.391 | - | 8.600.644.391 |

(a) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng MCK theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901092786 ngày 16 tháng 6 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 23 tháng 11 năm 2010, Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng MCK là 83.200.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam là 41%, Công ty Cổ phần Đầu tư CK Việt Nam là 39% và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T là 20%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam đã tạm góp vốn bằng tiền và các chi phí là 4.180.644.391 đồng.

(b) Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Quán Bàu - TP Vinh (tỉnh Nghệ An) cùng với Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An và Công ty Cổ phần Tân Bình. Theo đó, phía Công ty góp vốn theo tỷ lệ 30% trên tổng vốn đầu tư (dự kiến tổng vốn đầu tư là 50 tỷ đồng) và chuyển vốn góp cho Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An. Các bên thành lập Ban quản lý dự án chung do các bên cùng cử người đại diện tham gia vào dự án, phía Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An chịu trách nhiệm làm đại diện pháp nhân cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án. Khi toàn bộ quá trình thực hiện dự án được hoàn thành, căn cứ vào tỷ lệ vốn góp của các bên sẽ tiến hành phân chia kết quả đầu tư bằng lợi nhuận thu được khi bán các sản phẩm xây dựng đã hoàn thành là các căn hộ, nền đất, khi không bán được các bên thống nhất sẽ phân chia kết quả đầu tư bằng sản phẩm. Mỗi bên sở hữu lợi nhuận hoặc sản phẩm theo tỷ lệ vốn góp của mình. Số đã đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.420.000.000 đồng.

(c) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông CK với số cổ phần nắm giữ là 10.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng, tổng giá trị đã đầu tư là 1.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần MCO Nghệ An | 711.502.403 | 1.424.036.403 |
| Công ty TNHH Thiên An | 2.079.754.593 | 2.944.924.490 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng bê tông | 3.013.743.640 | 3.263.743.640 |
| Công ty TNHH MTV Quản lý & XD đường bộ 496 | 282.840.000 | 2.412.728.000 |
| Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và TM DV Kim Anh | - | |
| Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương | 2.125.738.486 | 2.125.738.486 |
| Công ty TNHH Xây dựng Tùng Mai | 227.082.464 | 227.082.464 |
| Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 61 | 1.849.369.209 | 1.849.369.209 |
| Các đối tượng khác | 20.381.128.594 | 23.105.152.754 |
| Cộng | 30.671.159.389 | 37.352.775.446 |

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty CP PT đường cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu | 713.898.000 | 713.898.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Sơn Đạt | - | 830.000.000 |
| Công ty CP tư vấn và XD Phú xuân | 140.000.000 | 660.000.000 |
| Cty cổ phần Nam Tân | 1.522.684.000 | 1.522.684.000 |
| Các đối tượng khác | 3.524.891.660 | 3.294.891.660 |
| Cộng | 5.901.473.660 | 7.021.473.660 |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------|-----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 24.622.281.076 | 522.344.265 | (1.634.961.608) | 23.509.663.733 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.554.474.480 | 12.745.446 | (962.099.450) | 1.605.120.476 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 11.291.102 | 3.677.045 | - | 14.968.147 |
| Cộng | 27.188.046.658 | 538.766.756 | (2.597.061.058) | 25.129.752.356 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

14. Phải trả khác ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 82.523.358 | 109.007.076 |
| Bảo hiểm xã hội | 360.910.670 | 1.671.271.010 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 51.854.788 | 51.854.788 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 409.839.459 | 429.373.640 |
| Cộng | 905.128.275 | 2.261.506.514 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (a) | - | 4.602.802.050 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 17.020.449.277 | 20.167.983.406 |
| Cộng | 17.020.449.277 | 24.770.785.456 |

(a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 0307/HN-MCO/HĐTĐ ngày 03/07/2014 với hạn mức là 19.000.000.000 VND, mức dư nợ cao nhất 6.000.000.000 VND nhằm mục đích để thanh toán chi phí thi công gói thầu xây lắp số 2 về việc “Xây lắp đoạn nối đảo Hòn Cò với đảo Hòn La- Đoạn 4 thuộc dự án đường nối khu kinh tế Hòn La với Khu công nghiệp xi măng tập trung Tiên- Châu- Văn Hóa”, thời hạn cho vay tối đa 08 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là Quyền tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE551044, số vào sổ cấp GCN CH 0862 do UBND huyện Hòa Vang- TP Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W543365, số vào sổ cấp GCN 1081QSĐĐ/8726/QĐ-UB do UBND huyện Hòa Vang- TP Đà Nẵng cấp ngày 28/09/2004; quyền tài sản gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AE 761098, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T.00057 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/11/2006 và các máy móc thiết bị của công ty hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng.

+ Hợp đồng tín dụng số 1500 LAV201203220 ngày 04/05/2012 với hạn mức là 20.000.000.000 VND ;nhằm mục đích thanh toán chi phí thi công xây lắp công trình: gói thầu nạo vét luồng và khu nước đậu tàu, tôn tạo mặt bằng, đường bãi; bến cập tàu, kè bảo vệ bờ, phao tiêu báo hiệu thuộc dự án Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần Nghề cá Sa Kỳ tỉnh Quảng Ngãi; thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ; lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 10/03/2015 hai bên ký phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi hạn mức là 46.350.000.000 VND, và gia hạn thời hạn trả nợ.

Đến ngày 31/12/2017 Công ty đã thanh toán hết khoản nợ vay này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|-----------------------|--|-------------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 4.602.802.050 | - | (4.602.802.050) | - |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 20.167.983.406 | 300.000.000 | (3.447.534.129) | 17.020.449.277 |
| Cộng | 24.770.785.456 | 300.000.000 | (8.050.336.179) | 17.020.449.277 |

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Vay dài hạn các cá nhân | | |
| Ông Nguyễn Tài Thạch | 2.100.000.000 | 2.100.000.000 |
| Bà Lê Thị Bình | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Cộng | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi phí lãi vay phải trả | 1.699.931.117 | 2.203.931.117 |
| Cộng | 1.699.931.117 | 2.203.931.117 |

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy | 4.706.740.000 | 4.706.740.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 36.332.550.000 | 36.332.550.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 149.852.000 | 149.852.000 |
| Cộng | 41.189.142.000 | 41.189.142.000 |

c) Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 4.103.929 | 4.103.929 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành công chúng | 4.103.929 | 4.103.929 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 4.103.929 | 4.103.929 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.103.929 | 4.103.929 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 4.103.929 | 4.103.929 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 4.103.929 | 4.103.929 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| - <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa</i> | 22.389.651.927 | 5.396.064.544 |
| - <i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i> | 12.786.340.706 | 67.338.065.405 |
| Doanh thu thuần | 35.175.992.633 | 72.734.129.949 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ, hàng hóa</i> | 22.389.651.927 | 5.396.064.544 |
| - <i>Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng</i> | 12.786.340.706 | 67.338.065.405 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp | 18.344.083.447 | - |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 12.969.416.193 | 67.734.356.150 |
| Cộng | 31.313.499.640 | 67.734.356.150 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.404.016 | 2.804.906 |
| Lãi tiền bảo lãnh | - | 168.426.340 |
| Cộng | 1.404.016 | 171.231.246 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 270.000.000 | 583.342.335 |
| Cộng | 270.000.000 | 583.342.335 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.341.713.356 | 1.641.435.638 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 120.289.441 | 100.766.666 |
| Thuế, phí và lệ phí | 42.080.290 | 34.015.473 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 1.835.149.627 | 2.588.420.286 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 83.388.612 | 86.545.454 |
| Các chi phí khác | 488.457.544 | 677.884.110 |
| Cộng | 3.911.078.870 | 5.129.067.627 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|----------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư | 380.909.091 | 2.009.090.909 |
| Công nợ không phải thanh toán | - | 103.600.000 |
| Cộng | 380.909.091 | 2.112.690.909 |

7. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|-------------------|----------------------|
| Phạt chậm nộp bảo hiểm | 12.456.597 | 1.152.960.275 |
| Chi phí khác | - | 22.710.605 |
| Cộng | 12.456.597 | 1.175.670.880 |

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 51.270.633 | 395.615.112 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 12.456.597 | 1.175.670.880 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | | |
| Lãi chậm nộp bảo hiểm | 12.456.597 | 1.152.960.275 |
| Các chi phí không hợp lệ | - | 22.710.605 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| Thu nhập chịu thuế | 63.727.230 | 1.571.285.992 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 12.745.446 | 314.257.198 |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 38.525.187 | 81.357.914 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 4.103.929 | 4.103.929 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 9 | 20 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | - | 1.535.306.315 |
| Chi phí nhân công | 1.785.635.209 | 3.628.326.947 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 740.416.021 | 1.058.782.287 |
| Chi phí dự phòng | 1.835.149.627 | 2.588.420.286 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 500.025.831 | 409.421.349 |
| Chi phí thuê phụ | 5.630.960.485 | 24.076.391.732 |
| Chi phí khác | 734.783.146 | 2.255.354.447 |
| Cộng | 11.226.970.319 | 35.552.003.363 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát | | |
| Lương, thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát | 285.039.000 | 286.611.324 |
| Tạm ứng | - | 4.000.000 |
| Hoàn ứng | - | 16.468.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây dựng.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động dịch vụ, hàng hóa

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

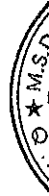
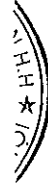
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Xây lắp | Dịch vụ, hàng hóa | Cộng |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Năm nay | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 12.786.340.706 | 22.389.651.927 | 35.175.992.633 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 12.786.340.706 | 22.389.651.927 | 35.175.992.633 |
| Chi phí bộ phận | 12.969.416.193 | 18.344.083.447 | (31.313.499.640) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | (183.075.487) | 4.045.568.480 | 3.862.492.993 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (3.911.078.870) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | (48.585.877) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 1.404.016 |
| Chi phí tài chính | | | (270.000.000) |
| Thu nhập khác | | | 380.909.091 |
| Chi phí khác | | | (12.456.597) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (12.745.446) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 38.525.187 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | (119.695.455) |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | (740.416.021) |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Số cuối năm | Hoạt động xây dựng | Hoạt động dịch vụ | Cộng |
|--|---------------------------|--------------------------|------------------------|
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 50.054.456.956 | 20.536.090.878 | 137.702.822.849 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - |
| Tổng tài sản | | | 137.702.822.849 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 85.554.255.165 | - | 85.554.255.165 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | | | 85.554.255.165 |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 145.422.060.646 | 11.653.242.793 | 157.075.303.439 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - |
| Tổng tài sản | | | 157.075.303.439 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 104.965.260.942 | - | 104.965.260.942 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | | | 104.965.260.942 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 17.020.449.277 | - | 3.600.000.000 | 20.620.449.277 |
| Phải trả người bán | 30.671.159.389 | - | - | 30.671.159.389 |
| Các khoản phải trả khác | 1.471.922.480 | 1.699.931.117 | - | 3.171.853.597 |
| Cộng | 49.163.531.146 | 1.699.931.117 | 3.600.000.000 | 54.463.462.263 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 24.770.785.456 | - | 3.600.000.000 | 28.370.785.456 |
| Phải trả người bán | 37.352.775.446 | - | - | 37.352.775.446 |
| Các khoản phải trả khác | 2.768.681.719 | 2.203.931.117 | - | 4.972.612.836 |
| Cộng | 64.892.242.621 | 2.203.931.117 | 3.600.000.000 | 70.696.173.738 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.185.882.399 | 3.201.589.276 | 2.185.882.399 | 3.201.589.276 |
| Phải thu khách hàng | 36.718.266.549 | 51.053.516.267 | 36.718.266.549 | 51.053.516.267 |
| Các khoản phải thu khác | 2.232.370.537 | 2.262.325.775 | 2.191.370.753 | 2.262.325.775 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 4.420.000.000 | 4.420.000.000 | 4.420.000.000 | 4.420.000.000 |
| Cộng | 45.556.519.485 | 60.937.431.318 | 45.515.519.701 | 60.937.431.318 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 20.620.449.277 | 28.370.785.456 | 20.620.449.277 | 28.370.785.456 |
| Phải trả người bán | 30.671.159.389 | 37.352.775.446 | 30.671.159.389 | 37.352.775.446 |
| Các khoản phải trả khác | 3.171.853.597 | 4.972.612.836 | 3.171.853.597 | 4.972.612.836 |
| Cộng | 54.463.462.263 | 70.696.173.738 | 54.463.462.263 | 70.696.173.738 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngô Đức Nam



Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 (tiếp theo)
Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm trước | 41.039.290.000 | 149.852.000 | 3.343.084.386 | 7.496.458.197 | 52.028.684.583 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 81.357.914 | 81.357.914 |
| Số dư cuối năm trước | 41.039.290.000 | 149.852.000 | 3.343.084.386 | 7.577.816.111 | 52.110.042.497 |
| Số dư đầu năm nay | 41.039.290.000 | 149.852.000 | 3.343.084.386 | 7.577.816.111 | 52.110.042.497 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 38.525.187 | 38.525.187 |
| Số dư cuối năm nay | 41.039.290.000 | 149.852.000 | 3.343.084.386 | 7.616.341.298 | 52.148.567.684 |

Đơn vị tính: VND

